

Số: 913/QĐ-XHNV-SĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học vị và cấp bằng thạc sỹ năm 2022 - đợt 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sỹ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Văn bằng, chứng chỉ;

Căn cứ Công văn số 1619/ĐHQG-ĐT ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc Cấp phối văn bằng thạc sỹ, tiến sỹ của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học vị và cấp bằng thạc sỹ cho 53 (năm mươi ba) học viên cao học tốt nghiệp năm 2022 - đợt 2 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Người có tên trong Điều 1 được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước quy định cho cán bộ có học vị thạc sỹ kể từ ngày ra quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Sau đại học, Trưởng các khoa và Người có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-TH, SDH.



Ngô Thị Phương Lan

Phụ lục
DANH SÁCH CẤP BẰNG THẠC SĨ NĂM 2022 - ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-XHNV-SDH ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXX&NV)

Stt Tổng	Stt Ngành	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB môn học	Ngoại ngữ		Tên đề tài luận văn	Điểm luận văn	Cán bộ hướng dẫn	Ghi chú
							Tên chứng chỉ	Điểm				
1/ Ngành Châu Á học (8310602)												
1	1	Tăng Hồng Ngự	Nữ	02/10/1983	TP. HCM	7.46	Cử nhân Ngữ văn Trung Quốc		Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Hoa gốc Triều Châu ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	8	TS. Hồ Minh Quang	
2	2	Hoàng Thị Vân Anh	Nữ	15/7/1983	Nam Định	8.11	Cử nhân Tiếng Nhật		Hoạt động cướp biển ở khu vực Đông Bắc Á (thế kỷ XIII - XV)	8	PGS.TS. Hoàng Văn Việt	
2/ Ngành Công tác xã hội (8760101)												
3	1	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	02/9/1994	Phú Yên	8.3	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác xã hội nhóm trong việc hỗ trợ người chuyển giới nam tiếp cận dịch vụ y tế đặc thù	9.5	PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga	
4	2	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	16/4/1989	Phú Thọ	8.61	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ tiếp cận chính sách an sinh xã hội (Điển cứu tại Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh)	8.2	TS. Nguyễn Minh Tuấn	
5	3	Trần Thị Anh Phương	Nữ	14/7/1994	Bình Thuận	7.85	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác xã hội nhóm trong việc nâng cao giá trị sống của học sinh Trường Tiểu học Hồng Sơn 3	8.5	TS. Đỗ Thị Nga	
6	4	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	11/6/1988	Bến Tre	7.88	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận việc làm tại Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	8.3	PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga	
7	5	Nguyễn Thị Bích Liễu	Nữ	20/9/1982	Bình Định	8.17	IELTS	6.0 B2	Công tác xã hội cá nhân với trẻ em có hành vi gây hấn tại Mái ấm Ga Sài Gòn, Quận 3, TP. HCM	8.5	TS. Nguyễn Hồng Phan	
8	6	Trần Thị Năm	Nữ	08/02/1995	Quảng Trị	8.11	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác xã hội cá nhân trong việc phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tại Trường Tiểu học Kim Đồng, Quận Bình Tân, TP. HCM	7.3	TS. Phan Thị Thanh Hương	

9	7	Trần Thị Huỳnh Nhi	Nữ	01/9/1989	Bến Tre	8.04	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ học sinh bị gây hấn tại Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	8.6	TS. Lê Minh Thuận	
10	8	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	13/12/1984	Bến Tre	7.82	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác xã hội nhóm với người nghèo tại Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre	8.5	TS. Lê Hải Thanh	
11	9	Nguyễn Thị Hồng Khiêm	Nữ	17/3/1982	Bến Tre	7.93	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác xã hội nhóm trong việc hỗ trợ đời sống tinh thần của người cao tuổi tại Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre	8.5	TS. Lê Văn Công	
12	10	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	01/01/1978	Trà Vinh	8	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Mô hình công tác xã hội trong bệnh viện tại địa bàn TP. Cần Thơ: thực trạng và giải pháp	8.8	TS. Đỗ Thị Nga	
13	11	Phạm Thị Trinh	Nữ	05/5/1978	Bến Tre	8.34	Cử nhân Ngôn ngữ Anh		Công tác xã hội cá nhân với học sinh trung học cơ sở có nguy cơ bỏ học tại Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre	9.5	TS. Đỗ Thị Nga	
3/ Ngành Đô thị học (8580112)												
14	1	Văn Thị Uyên Trinh	Nữ	15/12/1994	Ninh Thuận	7.72	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Tác động của hoạt động du lịch đến đời sống cộng đồng người Chăm tại Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	6	TS. Phạm Đi	
15	2	Lưu Thị Thanh Mẫu	Nữ	15/7/1978	Nam Hà	8.6	IELTS	4.5 B1	Đề xuất mô hình khu đô thị xanh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (Trường hợp nghiên cứu: Khu đô thị mới Long Tân, Tỉnh Đồng Nai)	9.3	TS.KTS. Lê Thị Hồng Na	
4/ Ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh (8140111)												
16	1	Nguyễn Khánh Thảo Di	Nữ	08/8/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.93	HSK3	276/300	Using storytelling to enhance Vietnamese young learners' English vocabulary (Sử dụng phương pháp kể chuyện để tăng cường khả năng từ vựng tiếng Anh cho thiếu nhi Việt Nam)	7	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	

17	2	Lê Thị Hồng Thủy	Nữ	23/6/1994	Long An	7.41	JLPT	N4	Promoting EFL learner autonomy through project-based learning: A case study in a state high school in Long An province (Nâng cao tính tự học của học sinh thông qua việc áp dụng phương pháp học theo dự án: Một trường hợp nghiên cứu ở trường cấp 3 công lập Long An)	7	TS. Đặng Tấn Tín	
18	3	Ngô Thùy Dung	Nữ	26/02/1989	TP. HCM	7.34	HSK3	234/300	An analysis of language teaching textbooks for young learners at English centers in HCMC (Phân tích giáo trình dạy tiếng cho trẻ em tại các trung tâm Anh ngữ ở TP. HCM)	6.2	TS. Nguyễn Đăng Nguyên	
19	4	Nguyễn Thị Yến Hoa	Nữ	08/11/1992	Bắc Giang	7.44	HSK3	229/300	Professional identity development process of mid-career EFL teachers (Quá trình phát triển bản sắc nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh có kinh nghiệm)	7.3	TS. Đặng Tấn Tín	
20	5	Ngô Mai Lan Hương	Nữ	20/6/1995	TP. HCM	7.69	JLPT	N4	The effect of online extensive reading on students' attitude towards reading at VUS (Ảnh hưởng của phương pháp đọc mở rộng lên thái độ của học sinh đối với việc đọc tại Trung tâm Anh ngữ VUS)	7.3	TS. Nguyễn Thị Như Ngọc	
21	6	Đặng Quế Như	Nữ	04/9/1989	Long An	7.48	HSK3	257/300	A survey study of student's attitudes towards grammar instruction at Nguyen Tat Thanh Institute of International Education (Khảo sát thái độ của sinh viên đối với việc dạy ngữ pháp tại Viện Đào tạo Quốc tế Nguyễn Tất Thành)	7.1	TS. Nguyễn Thu Hương	
22	7	Đặng Lê Vy	Nữ	12/02/1995	Phú Yên	8.11	DELTA	52/100 B1	Exploring teachers' use of humor in EFL classroom communication: A case study in an urban language center in Ho Chi Minh City (Tìm hiểu việc sử dụng yếu tố hài hước của giáo viên trong giao tiếp của lớp học tiếng Anh: Nghiên cứu tình huống tại một trung tâm ngoại ngữ nội thành Thành phố Hồ Chí Minh)	7.84	TS. Lê Xuân Quỳnh	

23	8	Tạ Lê Minh Phước	Nam	27/3/1993	Tây Ninh	8.13	JLPT	N3	The implicit knowledge of constraints on WH-movement in English among L2 learners: A case study at an English faculty of a university in Vietnam (Kiến thức ẩn về ràng buộc đối với cấu trúc câu hỏi WH trong tiếng Anh ở người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai: Một trường hợp ở khoa tiếng Anh của một trường đại học ở Việt Nam)	8.4	TS. Nguyễn Thị Như Ngọc	
----	---	------------------	-----	-----------	----------	------	------	----	--	-----	-------------------------	--

5/ Ngành Ngôn ngữ Pháp (8220203)

24	1	Trần Nhật Duy	Nam	14/7/1994	TP. HCM	8.56	VNU-EPT	B2.2	De l'élection d'Emmanuel Macron aux Gilets Jaunes: Une France désillusionnée (Từ cuộc bầu cử tổng thống của Emmanuel Macron đến Phong trào Áo Vàng: Một nước Pháp vỡ mộng)	7.1	TS. Lê Hồng Phước	
----	---	---------------	-----	-----------	---------	------	---------	------	--	-----	-------------------	--

6/ Ngành Quan hệ quốc tế (8310206)

25	1	Trương Anh Tài	Nam	05/9/1993	Bạc Liêu	7.5	HSK4	191/300 60/100	Giao thương vùng biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (1991 - 2018)	7	TS. Nguyễn Thành Trung	
26	2	Huỳnh Gia Thế Vân	Nữ	22/4/1981	Bạc Liêu	7.65	Cử nhân Ngữ văn Anh		Hợp tác quốc tế trong việc đào tạo nguồn nhân lực y tế của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch 2008 - 2020	6.4	PGS.TS. Trần Nam Tiến	
27	3	Lê Nguyễn Bảo Hiên	Nữ	18/5/1990	Phú Yên	8.24	Học Chương trình đại học toàn phần bằng tiếng Pháp tại Đại học Toulouse 1, Cộng hòa Pháp		Sức mạnh mềm Nhật Bản thông qua các chương trình hợp tác giáo dục tại Việt Nam	7.3	TS. Trần Nguyên Khang	
28	4	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	14/12/1984	TP. HCM	9.01	VNU-EPT	293 B2.2	Ngoại giao số của các quốc gia ASEAN trong hai thập niên đầu thế kỷ 21	9	TS. Nguyễn Thành Trung	

7/ Ngành Quản lý giáo dục (8140114)

29	1	Lê Thị Mỹ Lệ	Nữ	17/9/1978	Bến Tre	7.79	VNU-EPT	B1.3	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trên địa bàn Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	7.1	TS. Vũ Thị Lan Hương	
----	---	--------------	----	-----------	---------	------	---------	------	---	-----	----------------------	--

30	2	Lê Ngọc Viêt	Nam	07/3/1995	Quảng Ngãi	7.88	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Quản lý hoạt động tuyển sinh ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	TS. Nguyễn Thị Hào	
31	3	Nguyễn Huy Hoàng Khang	Nam	05/01/1996	TP. HCM	8.18	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Quản lý hoạt động học tập của học viên cao học ngành Quản lý giáo dục ở các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh	8.5	PGS.TS. Dương Minh Quang	
32	4	Nguyễn Hải Minh	Nữ	04/10/1996	Hà Nam	7.42	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Quản lý hoạt động dạy học môn Hóa học hệ Trung cấp tại Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An, Tỉnh Bình Dương	6.4	TS. Đặng Thị Thùy Linh	
33	5	Dương Ngọc Bích Tuyền	Nữ	26/6/1997	Lâm Đồng	8.43	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	7	TS. Nguyễn Văn Tường	
34	6	Phan Nguyễn Đông Trường	Nam	01/01/1994	TP. HCM	8.06	IELTS	7.0 C1	Quản lý hoạt động dạy học phát triển năng lực tự học cho học sinh các trường tiểu học trên địa bàn Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	7.3	TS. Nguyễn Văn Tường	

8/ Ngành Văn hóa học (8229040)

35	1	Trần Thị Cẩm Vân	Nữ	12/11/1985	Đắk Lắk	8.11	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Tạp chí Tri Tân (1941 – 1945) với việc bảo tồn, phát huy và xây dựng giá trị văn hóa mới	8.2	TS. Nguyễn Văn Hiệu	
----	---	------------------	----	------------	---------	------	------------------------	----	--	-----	---------------------	--

9/ Ngành Việt Nam học (8310630)

36	1	Nguyễn Trương Thị Quý Lộc	Nữ	20/5/1983	TP. HCM	8.24	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Vấn đề giáo dục con cái trong gia đình hôn nhân khác đạo tại Giáo xứ Trung Chánh - Hóc Môn	7.3	PGS.TS. Nguyễn Đức Lộc	
----	---	---------------------------	----	-----------	---------	------	------------------------	----	--	-----	------------------------	--

10/ Ngành Xã hội học (8310301)

37	3	Nguyễn Hoàng Dương Kha	Nam	19/10/1995	Tiền Giang	8.24	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Vai trò của các kênh thông tin về vấn đề lựa chọn việc làm đối với sinh viên ngành Xã hội học tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	7.5	PGS.TS. Nguyễn Đức Lộc	
----	---	------------------------	-----	------------	------------	------	------------------------	----	--	-----	------------------------	--

11/ Ngành Triết học (8229001)

38	1	Bùi Ngọc Hiếu	Nam	15/4/1996	Đắk Lắk	7.72	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Nội dung và ý nghĩa lịch sử của kỳ kết tập kinh điển Phật giáo Ấn Độ lần thứ ba	8.7	PGS.TS. Trương Văn Chung	
39	2	Đoàn Thị Ngọc Nhi	Nữ	20/10/1996	Bến Tre	7.86	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi trong tác phẩm "Khuyến học"	9	PGS.TS. Cao Xuân Long	
40	3	Lê Đình Tùng	Nam	17/10/1985	Thanh Hóa	7.8	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Tính thực tiễn trong tư tưởng của Nguyễn Trãi và ý nghĩa lịch sử của nó	9	TS. Nguyễn Thị Thùy Duyên	
41	4	Lê Thị Vân	Nữ	09/01/1987	Thanh Hóa	7.62	PET	147	Tư tưởng đạo đức của Phùng Khắc Khoan - Đặc điểm và ý nghĩa lịch sử	8.7	TS. Nguyễn Tấn Hưng	

12/ Ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (8229015)

42	1	Đặng Chí Công	Nam	20/9/1989	Đồng Nai	7.78	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Phương thức lãnh đạo của Đảng bộ Huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai trên lĩnh vực an sinh xã hội (2010-2020)	8.5	PGS.TS. Dương Kiều Linh	
----	---	---------------	-----	-----------	----------	------	------------------------	----	--	-----	-------------------------	--

13/ Ngành Ngôn ngữ học (8229020)

43	1	Nguyễn Đăng Thanh Tâm	Nữ	18/01/1993	TP. HCM	7.78	VNU-EPT	250	Liên kết giữa các tin trong chương trình "60 Giây" của Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh	8.5	GS.TSKH. Trần Ngọc Thêm	
44	2	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/5/1994	Nam Định	7.5	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa của phương ngữ xã hội trong nội dung tường thuật trò chơi điện tử trên youtube	8	TS. Đinh Lư Giang	
45	3	Đinh Thị Thu Hiền	Nữ	16/3/1996	TP. HCM	8.32	VNU-EPT	217	Diễn ngôn bình luận xã hội trên báo Phong Hóa (từ cách tiếp cận phân tích diễn ngôn phê phán)	10	TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh	
46	4	Phạm Hải Lê	Nữ	22/02/1985	Đồng Tháp	8.27	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Bài tập chỉnh âm kết hợp giáo dục ngôn ngữ cho trẻ em bị khe hở môi - vòm miệng sau phẫu thuật	9.3	PGS.TS. Lê Khắc Cường	

14/ Ngành Hán Nôm (8220104)

47	1	Lưu Kết Vần	Nữ	28/10/1989	TP. HCM	8.41	Cử nhân Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Thơ về đề tài chùa Phật của các nhà Nho Việt Nam thế kỷ XIX	8.5	PGS.TS. Lê Quang Trường	
----	---	-------------	----	------------	---------	------	----------------------------------	--	---	-----	-------------------------	--

15/ Ngành Lý luận văn học (8220120)

48	1	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	12/3/1996	Bình Dương	8.38	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Đỗ Long Vân trong bối cảnh lý luận - phê bình văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975	9.9	GS.TS. Huỳnh Như Phương	
----	---	---------------------	----	-----------	------------	------	------------------------	----	--	-----	-------------------------	--

16/ Ngành Địa lý học (8310501)

49	1	Nguyễn Minh Đức	Nam	07/11/1990	TP. HCM	8.15	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Thực trạng và định hướng phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao An Bình, Tỉnh Vĩnh Long	8.5	TS. Phạm Gia Trân	
----	---	-----------------	-----	------------	---------	------	------------------------------	----	--	-----	----------------------	--

17/ Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (8850101)

50	1	Trần Anh Phương	Nữ	28/02/1995	Phú Yên	7.85	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Thích ứng sinh kế của nông hộ quanh cổng đập Ba Lai Tỉnh Bến Tre	9	TS. Ngô Thị Thu Trang	
----	---	-----------------	----	------------	---------	------	------------------------------	----	---	---	--------------------------	--

18/ Ngành Nhân học (8310302)

51	1	Nguyễn Văn Bình	Nam	19/6/1994	Kiên Giang	8.46	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	“Tôi không phải Pê-Đê”: Căn tính cá nhân (Self-Identity) trong hành trình khẳng định và thể hiện nơi người chuyển giới nữ tại TP. Hồ Chí Minh	9.3	GS.TS. Lương Văn Hy	
----	---	-----------------	-----	-----------	------------	------	------------------------------	----	--	-----	------------------------	--

19/ Ngành Khoa học thư viện (8320203)

52	1	Lê Minh Triết	Nữ	03/02/1983	Bạc Liêu	8.2	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Nghiên cứu thực trạng hoạt động marketing số tại Thư viện Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	7	TS. Ninh Thị Kim Thoa	
----	---	---------------	----	------------	----------	-----	------------------------------	----	---	---	--------------------------	--

20/ Ngành Lưu trữ học (8320303)

53	1	Tô Huỳnh Ngọc Nhã	Nam	09/9/1994	Bạc Liêu	8.21	GCN Năng lực Tiếng Anh	B1	Công tác lưu trữ tài liệu của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	8.3	TS. Nguyễn Văn Báu	
----	---	-------------------	-----	-----------	----------	------	------------------------------	----	---	-----	-----------------------	--

Tổng cộng danh sách này có 53 học viên.